

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **104/2020/DS- ST**
Ngày: 23-6-2020.
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST–DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST –DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST –DS ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quang Thị Ánh S, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số 96/1 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Quang Thị Ánh S có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

- Bà Hồ Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Số 41/3 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số 10/1 ấp AH, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Quang Thị Ánh S trình bày:

Trước đây bà có nhiều lần cho vợ chồng bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn N vay tiền, cụ thể từng lần bao nhiêu thì bà không nhớ. Hai bên thỏa thuận lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và không có làm giấy tờ gì.

Đến ngày 18/12/2019 âm lịch bà và bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn N tổng kết nợ thì ông N, bà N có viết biên nhận vay của bà số tiền 40.000.000 đồng. Theo nội dung biên nhận thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả. Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay thì ông N, bà N có giao trả cho bà được

10.000.000 đồng tiền vốn vay nhưng không có trả lãi cho đến nay. Hiện nay bà N, ông N còn nợ lại bà số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng.

Mục đích ông N, bà N vay tiền của bà để nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình do đó đây là nợ chung của vợ chồng ông N, bà N. Theo bà được biết ông N, bà N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 136 vào ngày 08/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông N, bà N liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng tuy nhiên hiện nay ông N, bà N đã ly hôn không còn sống chung nên bà yêu cầu ông N, bà N mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên. Cụ thể Tòa án giải quyết như sau

Bà yêu cầu bà Hồ Thị N phải có trách nhiệm giao trả cho bà một lần số tiền 15.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm giao trả cho bà một lần số tiền 15.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự ngày 20 tháng 5 năm 2020 bị đơn Hồ Thị N trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 18/12/2019 âm lịch thời gian này bà và ông Nguyễn Văn N còn quan hệ hôn nhân là vợ chồng nên ông bà có vay của bà Quang Thị Ánh S số tiền 40.000.000 đồng để sử dụng chung trong gia đình. Biên nhận nợ ngày 18/12/2019 bà S cung cấp cho Tòa án là đúng, bà thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bà và ông N. Sau khi vay ông bà có trả lãi đầy đủ cho bà S, đồng thời có trả cho bà S 10.000.000 đồng tiền vốn vay và không có trả lãi.

Bà và ông N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 136 vào ngày 08/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú. Từ khi ly hôn cho đến nay bà và ông N cũng không có trả nợ cho bà S. Theo bà số tiền nợ bà S là nợ chung của bà và ông N nên mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên.

Qua yêu cầu của bà S thì bà đồng ý giao trả cho bà S số tiền 15.000.000 đồng, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm giao trả cho bà S số tiền 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Hồ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bà Hồ Thị N có đăng ký thường trú tại số 41/3 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre; ông Nguyễn Văn N có đăng ký thường trú tại số 10/1 ấp AH, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà S có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà N, ông N vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều

227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà S, ông N, bà N.

[4] Về nội dung vụ án: Bà Quang Thị Ánh S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị N giao trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn N giao trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng, bà S không yêu cầu tính lãi. bà N thừa nhận bà và ông N có nợ bà S 30.000.000 đồng, do bà và ông N đã ly hôn nên bà đồng ý trả cho bà S 15.000.000 đồng, bà N yêu cầu ông N có trách nhiệm giao trả cho bà S 15.000.000 đồng.

[5] Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà N, ông N đều vắng mặt. Tuy nhiên đối với ông N thì vào ngày 19/3/2020 bà S đã gửi bản sao tài liệu chứng cứ là “*biên nhận nợ ngày 18/12/2019*” là căn cứ khởi kiện ông N, đồng thời ông N đã nhận được tài liệu chứng cứ nêu trên và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do; ông N cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Đối với bà N thì tại bản khai ngày 20/5/2020 thì bà N thừa nhận biên nhận nợ bà S cung cấp là đúng nội dung và chữ ký của bà và ông N, đồng thời bà N thừa nhận hiện nay bà và ông N có nợ bà S số tiền 30.000.000 đồng. Do đó có căn cứ xác định hiện nay bà N, ông N còn nợ bà S số tiền 30.000.000 đồng và là nợ chung của ông N, bà N.

[6] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà Quang Thị Ánh S với bà Hồ Thị N, ông Nguyễn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do bà N, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà S trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S. Mặc khác bà N và ông N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 136 vào ngày 08/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú. Lẽ đó, việc bà S yêu bà N, ông N mỗi người có nghĩa vụ giao trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do bà Quang Thị Ánh S không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Bà Hồ Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng; ông Nguyễn Văn N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị Ánh S.

Buộc bà Hồ Thị N có nghĩa vụ giao trả cho bà Quang Thị Ánh S số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao trả cho bà Quang Thị Ánh S số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do bà Quang Thị Ánh S không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Hồ Thị N phải nộp 750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn N phải nộp 750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bà Quang Thị Ánh S được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0009544 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

